

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất ngày 19/4 ở mức phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm. Mực nước thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm, mực nước cao nhất ngày 19/4 ở mức phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm. Mực nước thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-25cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 19/4 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-45cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 19/4 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 67cm, lên 14cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống chậm theo triều trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm theo triều trong những ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên nhanh theo triều đến ngày 21/04, sau xuống dần.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 21/4/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng		So với		Dự báo				
		BD I	BD II	BD III	19/4		18/04		kỳ 2025		TBNN		20/4	21/4	22/4	23/4	24/4
					Hmax	Hmin											
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	127	7	▲	19	▲	32	▲	131	129	126	122	118
					Hmin	-39	-5	▼	-6	▼	-29	▼	-36	-39	-44	-50	-56
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	138	10	▲	26	▲	41	▲	143	142	139	135	131
					Hmin	-55	-7	▼	-8	▼	-20	▼	-50	-53	-58	-64	-69
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	95	3	▲	-5	▼	3	▲	98	96	94	92	90
					Hmin	12	-2	▼	1	▲	-6	▼	16	15	13	11	9
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	143	10	▲	21	▲	42	▲	147	145	143	140	136
					Hmin	-46	-5	▼	-13	▼	-29	▼	-42	-45	-50	-56	-60
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	158	12	▲	26	▲	56	▲	163	161	158	155	150
					Hmin	-52	-8	▼	-10	▼	-5	▼	-50	-53	-58	-64	-71
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	138	8	▲	23	▲	38	▲	142	140	137	134	130
					Hmin	-53	-5	▼	-6	▼	-25	▼	-49	-52	-57	-63	-68
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	11	2	▲	-36	▼	-16	▼	13	15	14	13	11
					Hmin	-17	0	◀▶	-37	▼	-19	▼	-16	-15	-16	-17	-18
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	0	1	▲	-40	▼	-22	▼	2	3	2	1	0
					Hmin	-7	0	◀▶	-38	▼	-25	▼	-6	-5	-6	-7	-8
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	11	1	▲	-37	▼	-29	▼	13	14	13	12	11
					Hmin	3	0	◀▶	-36	▼	-30	▼	4	5	4	3	2
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	10	1	▲	-38	▼	-27	▼	12	13	12	11	10
					Hmin	6	0	◀▶	-35	▼	-24	▼	7	8	7	6	5
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	17	0	◀▶	-38	▼	-25	▼	19	20	19	18	17
					Hmin	14	0	◀▶	-33	▼	-21	▼	16	17	16	15	14
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	15	5	▲	-37	▼	-13	▼	17	18	17	16	15
					Hmin	-12	-2	▼	-35	▼	-17	▼	-11	-10	-11	-12	-13
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	27	2	▲	-42	▼	-1	▼	29	30	29	28	27
					Hmin	16	1	▲	-34	▼	-2	▼	17	18	17	16	15
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	21	2	▲	-45	▼	-21	▼	23	24	23	22	21
					Hmin	15	1	▲	-34	▼	-17	▼	16	17	16	15	14
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	18	2	▲	-21	▼	1	▲	19	20	19	18	17
					Hmin	7	1	▲	-19	▼	-2	▼	8	9	8	7	6
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	45	3	▲	-42	▼	1	▲	46	47	46	45	44
					Hmin	32	2	▲	-33	▼	4	▲	33	34	33	32	31
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	75	2	▲	-26	▼	14	▲	76	77	76	75	74
					Hmin	25	2	▲	-28	▼	-4	▼	26	27	26	25	24
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	44	2	▲	-36	▼	-4	▼	46	47	46	45	44
					Hmin	19	2	▲	-34	▼	-10	▼	20	21	20	19	18
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	30	3	▲	-40	▼	-16	▼	32	33	32	31	30
					Hmin	15	1	▲	-36	▼	-16	▼	16	17	16	15	14
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	14	4	▲	-36	▼	-13	▼	16	17	16	15	14
					Hmin	4	0	◀▶	-32	▼	-4	▼	5	6	5	4	3

Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	-3	0	▼	-36	▼	-31	▼	-2	-1	-2	-1	-2
					Hmin	-13	11	▲	-16	▼	12	▲	-14	-15	-16	-17	-18
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	67	14	▲	20	▲	32	▲	70	75	71	65	58
					Hmin	-42	-1	▼	-7	▼	-5	▼	-44	-43	-41	-39	-37

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▼ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





